

## Khảo sát về nhận thức và thực trạng đời sống của cư dân nước ngoài tại tỉnh Gyeongnam

Xin kính chào quý vị? Viện Nghiên cứu Gyeongnam đang thực hiện đề tài「Khảo sát thực trạng và nghiên cứu phương án chính sách nhằm thúc đẩy chính sách di trú của tỉnh Gyeongnam」. Vì lý do đó, chúng tôi tiến hành khảo sát dành cho đối tượng cư dân người nước ngoài đang sinh sống tại khu vực tỉnh Gyeongnam.

Thông tin cá nhân và các nội dung trả lời của quý vị sẽ được bảo mật theo điều 33 và điều 34 của Luật Thống kê, và tuyệt đối không được sử dụng vào bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích thống kê và nghiên cứu có liên quan. Xin chân thành cảm ơn quý vị đã tham gia khảo sát.

Tháng 6 năm 2025

Chịu trách nhiệm nghiên cứu: Ủy viên nghiên cứu Lee Hyejin, Viện Nghiên cứu Gyeongnam  
(TEL:055-239-0116)

### [Thông tin cơ bản]

1. Giới tính của bạn là gì? (Chỉ chọn 1 câu trả lời)

|      |       |
|------|-------|
| ① Nữ | ② Nam |
|------|-------|

2. Bạn sinh năm bao nhiêu? (Ví dụ, trường hợp sinh năm 1985, thì ghi '1985') Năm (            )

3. Quốc tịch của bạn là? (Chỉ chọn 1 câu trả lời)

|              |               |                       |              |
|--------------|---------------|-----------------------|--------------|
| ① Nepal      | ② Đông Timor  | ③ Mông Cổ             | ④ Myanmar    |
| ⑤ Bangladesh | ⑥ Việt Nam    | ⑦ Srilanka            | ⑧ Indonesia  |
| ⑨ Trung Quốc | ⑩ Philippines | ⑪ Thái Lan            | ⑫ Campuchia  |
| ⑬ Pakistan   | ⑭ Uzbekistan  | ⑮ Kazakhstan          | ⑯ Kyrgyzstan |
| ⑰ Nga        | ⑱ Lào         | ⑲ Khác (            ) |              |

4. Khu vực cư trú hiện tại của bạn là ở đâu? (Chỉ chọn 1 câu trả lời)

|                  |                  |                     |                 |
|------------------|------------------|---------------------|-----------------|
| ① T/p Changwon   | ② T/p Jinju      | ③ T/p Tongyeong     | ④ T/p Sacheon   |
| ⑤ T/p Gimhae     | ⑥ T/p Miryang    | ⑦ T/p Geoje         | ⑧ T/p Yangsan   |
| ⑨ Huyện Uiryeong | ⑩ Huyện Haman    | ⑪ Huyện Changnyeong | ⑫ Huyện Goseong |
| ⑬ Huyện Namhae   | ⑭ Huyện Hadong   | ⑮ Huyện Sancheong   | ⑯ Huyện Hamyang |
| ⑰ Huyện Geochang | ⑱ Huyện Hapcheon |                     |                 |

5. Trình độ học vấn cao nhất của bạn là gì? (Chỉ chọn 1 câu trả lời)

|                                 |                      |                    |
|---------------------------------|----------------------|--------------------|
| ① Tốt nghiệp tiểu học trở xuống | ② Tốt nghiệp cấp 2   | ③ Tốt nghiệp cấp 3 |
| ④ Tốt nghiệp cao đẳng           | ⑤ Tốt nghiệp đại học | ⑥ Cao học trở lên  |

6. Hãy chọn tất cả các chương trình giáo dục mà bạn đã nhận tại Hàn Quốc (Chọn tất cả các

câu tương ứng)

|                                      |                                          |                             |                          |
|--------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| ① Không có kinh nghiệm học tập       | ② Giáo dục ở trường Đại học              | ③ Giáo dục ở trường Cao học | ④ Giáo dục lấy chứng chỉ |
| ⑤ Giáo dục tiếng Hàn                 | ⑥ Giáo dục sinh hoạt và văn hóa Hàn Quốc | ⑦ Giáo dục luật lao động    | ⑧ Giáo dục nghề nghiệp   |
| ⑨ Giáo dục về sở thích, kỹ năng sống | ⑩ Khác (_____)                           |                             |                          |

7. Tôn giáo của bạn là gì? (Chỉ chọn 1 câu trả lời)

|                  |                |                                                    |                |
|------------------|----------------|----------------------------------------------------|----------------|
| ① Không tôn giáo | ② Đạo Tin lành | ③ Đạo Thiên chúa                                   | ④ Hồi giáo     |
| ⑤ Đạo Hindu      | ⑥ Đạo Phật     | ⑦ Nho giáo và tôn giáo truyền thống của Trung Quốc | ⑧ Khác (_____) |

8. Lần đầu tiên bạn sang Hàn Quốc là bao giờ?

Tháng( ) Năm ( )

9. Khi nhập cảnh sang Hàn Quốc lần đầu, bạn sang đây với mục đích gì?(Chỉ chọn 1 câu trả lời)

|                            |           |                |                             |
|----------------------------|-----------|----------------|-----------------------------|
| ① Làm việc                 | ② Kết hôn | ③ Du học       | ④ Kinh doanh hoặc công việc |
| ⑤ Thăm gia đình và họ hàng | ⑥ Du lịch | ⑦ Khác (_____) |                             |

10. Thời gian bạn sống ở tỉnh Gyeongnam là bao lâu? ( ) năm ( )tháng

11. Tư cách lưu trú của bạn khi nhập cảnh lần đầu tiên vào Hàn Quốc và hiện tại bây giờ là gì?

(11-1) Lần đầu \_\_\_\_\_ (11-2) Hiện tại \_\_\_\_\_

|                                 |                               |                         |                                           |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------|
| ① D-2(Du học)                   | ② D-4(Du học tiếng ngắn hạn)  | ③ D-10(Xin việc)        | ④ E-1~6(Nhân lực chuyên môn)              |
| ⑤ E-7-1~3(Hoạt động chuyên môn) | ⑥ E-7-4(Lao động có tay nghề) | ⑦ E-8(Lao động thời vụ) | ⑧ E-9(Lao động)                           |
| ⑨ E-10(Thủy thủ)                | ⑩ F-1(Thăm thân)              | ⑪ F-2(Cư trú)           | ⑫ F-3(Bảo lãnh)                           |
| ⑬ F-4(Kiểm bào)                 | ⑭ F-5(Cư trú vĩnh viễn)       | ⑮ F-6(Kết hôn di trú)   | ⑯ H-2(Thăm thân, thăm quan vv + lao động) |
| ⑰ G-1(Khác)                     | ⑱ Nhập quốc tịch Hàn Quốc     | ⑲ Hết hạn visa          | ⑳ Khác                                    |

12. Bạn có muốn tiếp tục cư trú tại Hàn Quốc sau khi tư cách lưu trú (VISA) của bạn hết hạn không?

|      |         |
|------|---------|
| ① Có | ② Không |
|------|---------|

13. Sau này bạn mong muốn tiếp tục lưu trú tại Hàn Quốc bằng phương pháp nào? Hãy trả lời từ cách lưu trú cuối cùng mà bạn mong muốn.

|                                                                                   |                                                                   |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| ① Gia hạn thời gian lưu trú bằng tư cách cư trú hiện tại                          | ② Đổi tư cách lưu trú (ngoại trừ việc đổi quyền cư trú vĩnh viễn) |
| ③ Nhận quyền cư trú vĩnh viễn                                                     | ④ Nhập quốc tịch (bao gồm người đã nhập quốc tịch hiện tại)       |
| ⑤ Dự định sẽ rời khỏi Hàn Quốc (về nước) sau khi hết hạn tư cách lưu trú hiện tại |                                                                   |

14. Nếu bạn đã trả phí dịch vụ hoặc phí môi giới (chi phí cho người môi giới) để nhập cảnh vào Hàn Quốc, thì bạn đã trả bao nhiêu? (Hãy ghi số tiền Hàn mà bạn đã chi trả, không tính phí học tiếng Hàn và tiền vé máy bay. Ví dụ, nếu là 2 triệu won thì ghi là '200'/nếu không phải trả tiền thì ghi '0') ( ) 만원

15. Theo bạn khó khăn lớn nhất mà người nước ngoài gặp phải khi xin nhập quốc tịch Hàn Quốc là gì? (Ngay cả những người không có nhu cầu nhập quốc tịch Hàn Quốc cũng vui lòng tham gia trả lời. Chỉ chọn 1 câu)

|                                                            |                                                                |
|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| ① Không có khó khăn                                        | ② Thủ tục hành chính phức tạp                                  |
| ③ Khó hoàn thành chương trình hội nhập xã hội              | ④ Điều kiện nhập quốc tịch khắt khe (điều kiện thu nhập v.v..) |
| ⑤ Khó khăn trong việc thu thập thông tin để nhập quốc tịch | ⑥ Chồng/vợ người Hàn Quốc không hợp tác                        |
| ⑦ Không cho phép mang 2 quốc tịch                          | ⑧ Nơi làm việc không hợp tác                                   |
| ⑨ Khác _____                                               |                                                                |

16. Một ngày bạn sử dụng tiếng Hàn tầm khoảng bao nhiêu? (Chỉ chọn 1 câu trả lời)

- ① Ngôn ngữ sử dụng đa phần là tiếng Hàn (Một ngày sử dụng tiếng Hàn 75~100%)
- ② Trên một nửa ngôn ngữ sử dụng là tiếng Hàn (Một ngày sử dụng tiếng Hàn 50~75%)
- ③ Thỉnh thoảng sử dụng tiếng Hàn (Một ngày sử dụng tiếng Hàn 25~50%)
- ④ Gần như không sử dụng tiếng Hàn (Một ngày sử dụng tiếng Hàn 0~25%)

17. Bạn nghĩ trình độ tiếng Hàn của mình ở mức nào?

|      | Hoàn toàn không biết | Thuộc dạng không giỏi | Giỏi một chút | Giỏi |
|------|----------------------|-----------------------|---------------|------|
| Nghe | 1                    | 2                     | 3             | 4    |
| Nói  | 1                    | 2                     | 3             | 4    |
| Đọc  | 1                    | 2                     | 3             | 4    |
| Viết | 1                    | 2                     | 3             | 4    |

18. Trình độ kỳ thi năng lực tiếng Hàn (Topik) gần đây nhất mà bạn đạt được là cấp mấy (cấp 1~6), bạn thi bao giờ (năm nào)? Vui lòng ghi bằng số.

Cấp ( ), năm ( ), nếu chưa thi bao giờ thì ghi ‘không thi’  
 19. Bạn đã hoàn thành cấp độ mấy (từ 0~5) của chương trình Hội nhập xã hội, và vào năm nào?  
 Vui lòng ghi bằng số.

Cấp( ), năm ( ), nếu chưa hoàn thành bao giờ thì ghi ‘không có’

20. Bạn đã đạt được chứng chỉ (giáo viên đa văn hóa, giáo viên ngôn ngữ bản địa, liên quan đến máy móc, liên quan đến hàn xì, liên quan đến nấu ăn, kĩ sư an toàn phòng cháy chữa cháy, bằng lái xe, nhân viên điều dưỡng v.v..) gì gần đây nhất và vào bao giờ?

(Ví dụ, kĩ sư an toàn phòng cháy chữa cháy, năm 2025, giả sử chưa có chứng chỉ nào thì ghi ‘không có’)

Chứng chỉ ( ), năm ( ).

## [Quan hệ gia đình và mối quan hệ xã hội]

21. Hiện tại bạn đang sống cùng với ai? (Chọn tất cả câu tương ứng)

|                 |                       |                       |              |         |
|-----------------|-----------------------|-----------------------|--------------|---------|
| ① Sống một mình | ② Người bạn đời       | ③ Con cái             | ④ Anh chị em | ⑤ Bố mẹ |
| ⑥ Bố mẹ chồng   | ⑦ Bạn hoặc người quen | ⑧ Đồng nghiệp công ty | ⑨ Khác ( )   |         |

22. Thông thường thì bạn gặp điều gì khó khăn nhất khi nuôi con ở Hàn Quốc? (Ngay cả những người không nuôi con bên Hàn cũng vui lòng tham gia trả lời)

|                                                             |                                            |                            |                                |
|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------|
| ① Giáo dục tiếng Hàn                                        | ② Giáo dục tiếng mẹ đẻ                     | ③ Nói chuyện với giáo viên | ④ Thu thập thông tin giáo dục  |
| ⑤ Xung đột về nuôi dạy con cái với người bạn đời (gia đình) | ⑥ Nội dung học tập khó nên không giúp được | ⑦ Chi phí giáo dục tư cao  | ⑧ Chi phí học mẫu giáo/nhà trẻ |
| ⑨ Không có con                                              | ⑩ Con cái ở quê nhà                        | ⑪ Khác ( )                 |                                |

23. Bạn có biết những cơ quan sau đây khi sinh sống ở Gyeongnam không? Nếu đã sử dụng thì bạn hài lòng đến mức nào?

|                                                                       | (23-1) Mức độ nhận thức |         |         | (23-2) Kinh nghiệm sử dụng |                        |                 |        |                |
|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------|---------|----------------------------|------------------------|-----------------|--------|----------------|
|                                                                       | Hoàn toàn không biết    | Có biết | Biết rõ | Chưa sử dụng               | Hoàn toàn không có ích | Có ích một chút | Có ích | Giúp ích nhiều |
| 1) Trung tâm gia đình (Trước là Trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa) |                         |         |         |                            |                        |                 |        |                |
| 2) Trung tâm hỗ trợ người nước ngoài                                  |                         |         |         |                            |                        |                 |        |                |
| 3) Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài                         |                         |         |         |                            |                        |                 |        |                |
| 4) Trung tâm tư vấn phụ nữ di trú                                     |                         |         |         |                            |                        |                 |        |                |
| 5) Nhà tạm trú dành cho lao động di cư                                |                         |         |         |                            |                        |                 |        |                |
| 6) Trung tâm hướng dẫn tổng hợp cho người nước ngoài (1345)           |                         |         |         |                            |                        |                 |        |                |
| 7) Tổng đài Danuri (1577-1366)                                        |                         |         |         |                            |                        |                 |        |                |
| 8) Ủy ban nhân dân phường (Ủy ban xã)                                 |                         |         |         |                            |                        |                 |        |                |
| 9) Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Ủy ban nhân dân huyện               |                         |         |         |                            |                        |                 |        |                |
| 10) Ủy ban nhân dân tỉnh                                              |                         |         |         |                            |                        |                 |        |                |
| 11) Văn phòng quản lý người nước ngoài xuất nhập cảnh                 |                         |         |         |                            |                        |                 |        |                |

24. Vấn đề (nỗi lo) lớn nhất trong cuộc sống hiện tại hàng ngày của bạn là gì? (Chỉ chọn 1 câu trả lời)

|                                                   |                             |                                                              |                                                        |
|---------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
| ① Vấn đề kinh tế (Lương, việc làm)                | ② Mâu thuẫn ở nơi làm việc  | ③ Sự khác biệt văn hóa như lối sống, tập quán, ẩm thực v.v.. | ④ Vấn đề ngôn ngữ                                      |
| ⑤ Cô đơn                                          | ⑥ Vấn đề sức khỏe           | ⑦ Định kiến và phân biệt đối xử                              | ⑧ Giáo dục và nuôi con ở Hàn Quốc                      |
| ⑨ Mâu thuẫn với đồng hương                        | ⑩ Vấn đề gia đình ở quê nhà | ⑪ Duy trì và đổi tư cách lưu trú                             | ⑫ Định kiến và phân biệt người nước ngoài trong xã hội |
| ⑬ Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với người Hàn Quốc | ⑭ Sử dụng cơ sở y tế        | ⑮ Không gian cư trú như nhà ở                                | ⑯ Không có lo lắng                                     |
| ⑰ Khác                                            |                             |                                                              |                                                        |

25. Khi bạn bị ốm hoặc gặp khó khăn tại Hàn Quốc, bạn có người hoặc tổ chức nào cùng thảo

luận hoặc giúp đỡ không? (Chọn tất cả câu tương ứng)

|                                                  |                                                                        |                                                            |                                                                                       |
|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| ① Không có tổ chức hoặc người nào có thể giúp đỡ | ② Có đồng hương hoặc tổ chức (có liên quan đến nước xuất thân) giúp đỡ | ③ Có người Hàn Quốc hoặc tổ chức Hàn Quốc có thể giúp tôi. | ④ Có người nước ngoài (trừ người Hàn Quốc) hoặc tổ chức nước ngoài có thể giúp đỡ tôi |
|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|

26. Bạn có bị phân biệt đối xử trong những tình huống sau đây vì là cư dân nước ngoài không?

|                                                                        | Gần như không bị phân biệt đối xử | Thi thoảng bị phân biệt | Thường xuyên bị phân biệt đối xử | Gần như đại đa số đều bị phân biệt đối xử |
|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------|
| 1) Trên đường hoặc phố xóm mình cư trú                                 | ①                                 | ②                       | ③                                | ④                                         |
| 2) Trong cửa hàng, quán ăn, ngân hàng v.v..                            | ①                                 | ②                       | ③                                | ④                                         |
| 3) Ở các cơ sở y tế như bệnh viện hoặc trạm y tế                       | ①                                 | ②                       | ③                                | ④                                         |
| 4) Khi sử dụng giao thông công cộng (tàu điện ngầm, xe buýt, tắc xi)   | ①                                 | ②                       | ③                                | ④                                         |
| 5) Khi tìm nhà (bị chủ nhà hoặc người môi giới bất động sản v.v..)     | ①                                 | ②                       | ③                                | ④                                         |
| 6) Khi làm việc (tại chỗ làm)                                          | ①                                 | ②                       | ③                                | ④                                         |
| 7) Tại trường học của bản thân hoặc con cái                            | ①                                 | ②                       | ③                                | ④                                         |
| 8) Từ vợ/chồng người Hàn hoặc gia đình đó                              | ①                                 | ②                       | ③                                | ④                                         |
| 9) Cơ quan nhà nước ở khu vực như ủy ban phường xã, đồn cảnh sát v.v.. | ①                                 | ②                       | ③                                | ④                                         |
| 10) Văn phòng quản lý xuất nhập cảnh                                   | ①                                 | ②                       | ③                                | ④                                         |

27. Bạn nghĩ lý do chính bạn bị phân biệt đối xử là gì? Hãy chọn 2 câu trả lời tương ứng.

|                      |                      |                      |                    |
|----------------------|----------------------|----------------------|--------------------|
| ① Quốc gia xuất thân | ② Năng lực tiếng Hàn | ③ Ngoại hình(màu da) | ④ Khả năng kinh tế |
| ⑤ Nghề nghiệp        | ⑥ Tôn giáo           | ⑦ Khác( )            |                    |

28. Bạn đã từng bị phân biệt đối xử nhưng không phản ứng lại chưa?

- ① Thường không phản ứng lại (⇐ Di chuyển đến câu 28-1)
- ② Có trường hợp phản ứng lại, cũng có trường hợp không phản ứng (⇐ Di chuyển đến câu 28-1)
- ③ Dù thế nào đi nữa tôi luôn phản ứng lại (⇐ Di chuyển đến câu 29)
- ④ Chưa từng bị phân biệt đối xử (⇐ Di chuyển đến câu 29)

28-1. Giả sử nếu chưa từng phản ứng lại, thì lý do là gì? (Chọn tất cả câu trả lời tương ứng)

|                                                                                                        |                                                              |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| ① Do không muốn để cho người khác biết                                                                 | ② Vì không nghĩ rằng sẽ có gì thay đổi nếu mình phản ứng lại |
| ③ Không biết phải phản ứng như thế nào.                                                                | ④ Sợ bị trả thù                                              |
| ⑤ Vì nghĩ là các cơ quan hành chính hoặc công viên chức nhà nước cũng sẽ không xử lý công bằng, hợp lý | ⑥ Vì không được hỗ trợ thông dịch một cách thuận tiện        |
| ⑦ Khác ( )                                                                                             |                                                              |

29. Mức độ hài lòng của bạn về chất lượng cuộc sống mà bạn cảm nhận được khi sống ở tỉnh Gyeongnam là gì?

|                                                                                                            | Rất không<br>hài lòng | Không hài<br>lòng | Bình<br>thường | Hài lòng | Rất hài<br>lòng |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------|----------------|----------|-----------------|
| 1) Môi trường cư trú (hệ thống cấp thoát nước, điện, viễn thông, nhà ở, giao thông, môi trường xanh v.v..) | ①                     | ②                 | ③              | ④        | ⑤               |
| 2) Môi trường kinh tế (xin việc, thu nhập, thời gian làm việc v.v..)                                       | ①                     | ②                 | ③              | ④        | ⑤               |
| 3) Môi trường phúc lợi (y tế, 의료, an sinh xã hội v.v..)                                                    | ①                     | ②                 | ③              | ④        | ⑤               |
| 4) Môi trường xã hội (sự quan tâm, bao dung đối với người nước ngoài v.v..)                                | ①                     | ②                 | ③              | ④        | ⑤               |
| 5) Môi trường giáo dục (chi phí giáo dục, cơ hội giáo dục v.v..)                                           | ①                     | ②                 | ③              | ④        | ⑤               |
| 6) An toàn đô thị (tội phạm, tai nạn, thiên tai v.v..)                                                     | ①                     | ②                 | ③              | ④        | ⑤               |
| 7) Mức độ hài lòng về cuộc sống của bạn một cách toàn diện tại tỉnh Gyeongnam                              | ①                     | ②                 | ③              | ④        | ⑤               |

30. Trong tương lai bạn có định tiếp tục sống ở tỉnh Gyeongnam không? (Chỉ chọn 1 câu trả lời)

|      |         |             |
|------|---------|-------------|
| ① Có | ② Không | ③ Chưa biết |
|------|---------|-------------|

31. Vui lòng chọn 1 lý do chính khiến bạn (hoặc những người xung quanh) muốn chuyển từ Gyeongnam đến khu vực khác.

|                                                 |                                                     |                                                          |
|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| ① Do sự phân biệt đối xử với người nước ngoài   | ② Do chỗ làm (công việc)                            | ③ Do vật giá đắt đỏ                                      |
| ④ Do vấn đề học tập (của bản thân hoặc con cái) | ⑤ Vấn đề nhà cửa (chi phí đắt đỏ, chuẩn bị mua nhà) | ⑥ Do thiếu các cơ quan (dịch vụ) hỗ trợ người nước ngoài |
| ⑦ Do thiếu các cơ sở tiện ích sinh hoạt         | ⑧ Do muốn được sống gần gia đình hoặc bạn bè        | ⑨ Khác ( )                                               |

## [Hoạt động kinh tế]

32-1. Thu nhập bình quân hàng tháng của bạn (hoặc của cả gia đình nếu sống cùng) tại Hàn Quốc là bao nhiêu? (Ví dụ, nếu là 2.000.000 won thì viết là '200'/nếu không biết thì viết là 'không biết'/ nếu không có thu nhập thì viết '0') ( )만원

32-2. Tiền sinh hoạt (Bao gồm tất cả như tiền nhà, tiền ăn, tiền điện v.v..) bạn tiêu khoảng bao nhiêu? (Ví dụ, nếu là 500 nghìn won thì viết là '50'/nếu không biết thì viết là 'không biết'/nếu không có thu nhập thì viết '0') ( )만원

32-3. 1 năm bạn gửi tất cả bao nhiêu tiền về cho gia đình ở quê nhà? (Ví dụ, nếu là 5 triệu won thì viết là '500'/nếu không biết thì viết là 'không biết'/ nếu không có thu nhập thì viết '0') ( )만원

33. Hiện tại bạn đang làm việc ở nhóm ngành nghề nào? (Chỉ chọn 1 câu trả lời)

|                         |                  |                  |                          |
|-------------------------|------------------|------------------|--------------------------|
| ① Hiện tại không đi làm | ② Ngành sản xuất | ③ Ngành xây dựng | ④ Nông nghiệp, chăn nuôi |
| ⑤ Ngư nghiệp            | ⑥ Ngành dịch vụ  | ⑦ Khác ( )       |                          |

34. Hiện tại bạn đang làm công việc gì? (Chỉ chọn 1 câu trả lời)

|                                          |                                      |                         |                                 |
|------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------|---------------------------------|
| ① Hiện tại không đi làm                  | ② Quản lý, văn phòng                 | ③ Thương mại, phân phối | ④ Kinh doanh, tư vấn khách hàng |
| ⑤ Dịch vụ (Tiếp khách và buồng bê v.v..) | ⑥ Marketing, quảng cáo, truyền thông | ⑦ IT·Internet           | ⑧ Thiết kế                      |
| ⑨ Thiết kế, nghiên cứu phát triển        | ⑩ Sản xuất, chế tạo                  | ⑪ Khác ( )              |                                 |

35. Tình trạng công việc hiện tại của bạn là gì? (Chỉ chọn 1 câu trả lời)

|                                                            |                                                                                                      |
|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| ① Hiện tại không đi làm                                    | ② Làm việc ở chỗ làm hiện tại được 1 năm trở lên                                                     |
| ③ Làm việc hợp đồng vài tháng một lần tại chỗ làm hiện tại | ④ Làm và nhận lương theo ngày                                                                        |
| ⑤ Tôi trực tiếp điều hành doanh nghiệp của mình            | ⑥ Làm việc tại cơ sở (cửa hàng, nhà hàng, nhà máy v.v..) do gia đình tôi quản lý mà không nhận lương |
| ⑦ Khác ( )                                                 |                                                                                                      |

36. Bạn đã từng gặp phải khó khăn gì lớn nhất khi tìm công việc ở Hàn Quốc? (Chỉ chọn 1 câu trả lời)

|                                                                          |                                                                         |
|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| ① Không có khó khăn                                                      | ② Do không biết tiếng Hàn                                               |
| ③ Thiếu kinh nghiệm, giáo dục, kĩ thuật                                  | ④ Hoàn cảnh gia đình (việc nhà, nuôi dạy con cái, do chồng/vợ phản đối) |
| ⑤ Không có công việc như mong muốn (lương, điều kiện làm việc v.v..)     | ⑥ Do học vấn, kinh nghiệm, chứng chỉ ở quê nhà không được chứng nhận    |
| ⑦ Thiếu sự hỗ trợ và thông tin việc làm dành cho cư dân người nước ngoài | ⑧ Do sự phân biệt và coi thường người nước ngoài                        |
| ⑨ Khác ( )                                                               |                                                                         |

37. Bạn tìm được công việc hiện tại như thế nào?

|                                        |                                             |
|----------------------------------------|---------------------------------------------|
| ① Gia đình, họ hàng của tôi giới thiệu | ② Gia đình, họ hàng của chồng/vợ giới thiệu |
| ③ Bạn đồng hương giới thiệu            | ④ Bạn bè hoặc hàng xóm người Hàn Quốc       |



|                                                                                    |                                             |
|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
|                                                                                    | giới thiệu                                  |
| ⑤ Cơ quan nhà nước như Trung tâm tuyển dụng giới thiệu                             | ⑥ Thông qua cơ sở môi giới việc làm tư nhân |
| ⑦ Xem trên phương tiện truyền thông đại chúng (Báo chí, tạp chí v.v..) hoặc tờ rơi | ⑧ Bản thân trực tiếp lập nghiệp             |
| ⑨ Khác ( )                                                                         |                                             |

38. Với từng mục dưới đây, mức độ khó khăn mà bạn gặp phải trong quá trình làm việc ở hiện tại hoặc trước đây là như thế nào? (Vui lòng trả lời dựa theo kinh nghiệm làm việc ở khu vực Gyeongnam)

|                                                                                                       | Không có khó khăn/<br>không liên quan | Gần như không có | Có một chút | Rất nghiêm trọng |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------|-------------|------------------|
| 1) Cường độ lao động (làm việc trong thời gian dài hoặc tốc độ làm việc quá nhanh v.v..)              | ①                                     | ②                | ③           | ④                |
| 2) Môi trường làm việc (ảnh hưởng từ mùi hôi, bụi bặm, tiếng ồn v.v..)                                | ①                                     | ②                | ③           | ④                |
| 3) Vấn đề tiền lương (lương thấp hoặc chậm trả lương v.v..)                                           | ①                                     | ②                | ③           | ④                |
| 4) Khó khăn trong việc sử dụng ngày nghỉ phép (nghỉ hàng năm)                                         | ①                                     | ②                | ③           | ④                |
| 5) Xung đột ở nơi làm việc (chửi bới, hành hung, phân biệt đối xử v.v..)                              | ①                                     | ②                | ③           | ④                |
| 6) Khó khăn trong giao tiếp ở nơi làm việc                                                            | ①                                     | ②                | ③           | ④                |
| 7) Khó khăn trong việc sử dụng thiết bị nhà trọ (nhà vệ sinh, nhà tắm v.v..)                          | ①                                     | ②                | ③           | ④                |
| 8) Bị quấy rối tình dục, bị xâm hại tình dục (bị tiếp xúc cơ thể không mong muốn, rối loạn sớm v.v..) | ①                                     | ②                | ③           | ④                |
| 9) Khó khăn trong vấn đề ăn uống                                                                      | ①                                     | ②                | ③           | ④                |
| 10) Trải qua sự đau đớn hoặc bị thương khi làm việc                                                   | ①                                     | ②                | ③           | ④                |

39. Khi gặp phải những khó khăn như đã nêu (ở câu 38), thì bạn đã từng hoặc sẽ tìm đến ai hay nơi nào để yêu cầu giúp đỡ? (Chọn tất cả câu trả lời tương ứng)

|                                                         |                                                                                                                                                 |
|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| ① Chưa từng gặp khó khăn                                | ② Không yêu cầu ai giúp đỡ cả (tự chịu đựng)                                                                                                    |
| ③ Chủ tuyển dụng (quản lý người Hàn Quốc hoặc giám đốc) | ④ Đồng nghiệp công ty                                                                                                                           |
| ⑤ Bạn bè hoặc người quen (người quen biết thường ngày)  | ⑥ Cơ quan hỗ trợ người nước ngoài (Trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa (Trung tâm gia đình), Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài v.v..) |
| ⑦ Công đoàn lao động hoặc đại diện người lao động       | ⑧ Cảnh sát và cơ quan nhà nước                                                                                                                  |
| ⑨ Khác ( )                                              |                                                                                                                                                 |

40. Khi xem xét tổng thể các yếu tố như thu nhập, nghề nghiệp, trình độ học vấn, tài sản .. bạn nghĩ vị trí xã hội và kinh tế của mình tại Hàn Quốc nằm ở mức nào trong thang điểm từ 0(rất thấp) đến 10(rất cao)? ( ) điểm

|          |                 |   |   |   |   |   |   |   |         |
|----------|-----------------|---|---|---|---|---|---|---|---------|
| Rất thấp | ← Bình thường → |   |   |   |   |   |   |   | Rất cao |
| ①        | ②               | ③ | ④ | ⑤ | ⑥ | ⑦ | ⑧ | ⑨ | ⑩       |

41. Khi xem xét tất cả các yếu tố như thu nhập, nghề nghiệp, học vấn, tài sản v.v., bạn nghĩ vị trí kinh tế xã hội của mình ở đất nước của bạn thuộc mức nào trong thang điểm từ 0 (rất thấp) đến 10 (rất cao)? ( ) điểm

|          |                 |   |   |   |   |   |   |   |         |
|----------|-----------------|---|---|---|---|---|---|---|---------|
| Rất thấp | ← Bình thường → |   |   |   |   |   |   |   | Rất cao |
| ①        | ②               | ③ | ④ | ⑤ | ⑥ | ⑦ | ⑧ | ⑨ | ⑩       |

42. Bạn hoặc gia đình bạn có đang nhận được các hỗ trợ của chính phủ (Chế độ bảo đảm cuộc sống cơ bản) dưới đây không?

※ Chế độ bảo đảm cuộc sống cơ bản là gì? Đây là chế độ mà nhà nước hỗ trợ chi phí sinh hoạt, y tế, nhà ở, giáo dục v.v..

|                                |                                 |
|--------------------------------|---------------------------------|
| ① Có (☞ Di chuyển đến số 42-1) | ② Không (☞ Di chuyển đến số 43) |
|--------------------------------|---------------------------------|

42-1. Nếu bạn đang nhận hỗ trợ từ chính phủ thì chọn tất cả mục tương ứng về việc được nhận hỗ trợ nào một cách cụ thể nhất.

|                                                             |                                                                        |
|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| ① Trợ cấp sinh hoạt (Hỗ trợ tiền sinh hoạt hàng tháng)      | ② Trợ cấp y tế (Hỗ trợ chi phí bệnh viện)                              |
| ③ Trợ cấp nhà ở (Hỗ trợ tiền thuê nhà, tiền trả hàng tháng) | ④ Trợ cấp giáo dục (Hỗ trợ học phí trường học hoặc trung tâm học thêm) |

## [Môi trường cư trú]

43. Hình thái nhà ở hiện tại của bạn là gì? (Chỉ chọn 1 câu trả lời)

|                                                            |                                                              |                                 |                         |
|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------|
| ① Nhà dân                                                  | ② Chung cư                                                   | ③ Nhà 1 phòng, căn hộ officetel | ④ Nhà trọ thuê ngắn hạn |
| ⑤ Chỗ ở trong nhà hàng, nhà máy, tòa nhà kinh doanh        | ⑥ Nhà trọ                                                    | ⑦ Nhà kính                      | ⑧ Container             |
| ⑨ Phòng nghỉ tại các cơ sở lưu trú như khách sạn, nhà nghỉ | ⑩ Cơ sở phúc lợi xã hội như nhà tạm trú cho người nước ngoài |                                 | ⑪ Khác ( )              |

44. Hiện tại bạn đang cư trú theo phương thức như thế nào? (Chỉ chọn 1 câu trả lời)

|                                     |                                         |                                        |                                        |
|-------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| ① Nhà riêng (Nhà tự sở hữu)         | ② Thuê nhà đặt cọc không trả tiền tháng | ③ Thuê nhà đặt cọc trả tiền hàng tháng | ④ Nhà trọ công ty cung cấp (Ký túc xá) |
| ⑤ Nhà của gia đình, họ hàng, bạn bè | ⑥ Nhà ở nhà nước cho thuê               | ⑦ Khác ( )                             |                                        |

45. Tiền thuê nhà hàng tháng của bạn khoảng bao nhiêu? (Ví dụ, nếu là 300.000won thì ghi '30' /nếu không biết thì ghi 'không biết'/nếu là nhà tự sở hữu, hoặc thuê theo hình thức đặt cọc

không trả tiền hàng tháng hoặc đi ở nhờ không phải trả tiền thì ghi '0') ( )만원

46. Bạn thường lấy thông tin liên quan đến bất động sản (thông tin để tìm nhà) tại tỉnh Gyeongnam ở đâu? (Chỉ chọn 1 câu)

|                                                        |                                                                                                                                                 |                               |            |
|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------|
| ① Đồng nghiệp công ty hoặc chủ doanh nghiệp (giám đốc) | ② Người quen xung quanh như bạn bè v.v..                                                                                                        | ③ Người môi giới bất động sản | ④ Internet |
| ⑤ Tờ rơi quảng cáo, biển quảng cáo                     | ⑥ Cơ quan hỗ trợ người nước ngoài (Trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa (Trung tâm gia đình), Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài v.v..) | ⑦ Khác ( )                    |            |

47. Khi tìm nhà, bạn nghĩ điều gì quan trọng nhất? (Chọn 2 câu)

|                                                                                            |                                                |                            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------|
| ① Chi phí nhà ở thấp (nhà thuê đặt cọc không trả hàng tháng, nhà thuê trả tiền hàng tháng) | ② Giao thông thuận tiện                        | ③ Gần với chỗ làm          |
| ④ Điều kiện giáo dục của bản thân hoặc của con cái                                         | ⑤ Nơi có nhiều người nước ngoài như đồng hương | ⑥ Cơ sở tiện ích sinh hoạt |
| ⑦ Tình trạng an toàn của môi trường xung quanh hoặc nhà ở                                  | ⑧ Môi trường thiên nhiên trong lành            | ⑨ Khác ( )                 |

48. Khi bạn tìm nhà, ngoài chi phí ra thì còn điểm nào khó khăn nữa? (Chỉ chọn 1 câu trả lời)

|                                                        |                                                    |                                                                |
|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| ① Gặp khó khăn khi tìm thông tin liên quan đến nhà cửa | ② Gặp khó khăn trong giao tiếp khi kí hợp đồng nhà | ③ Chủ nhà người Hàn Quốc từ chối cho người nước ngoài thuê nhà |
| ④ Không có khó khăn                                    | ⑤ Khác( )                                          |                                                                |

## [Môi trường y tế]

49. Hiện tại bạn cảm thấy tình trạng sức khỏe thể chất của mình như thế nào?

|           |                 |                 |           |
|-----------|-----------------|-----------------|-----------|
| ① Rất xấu | ② Tương đối xấu | ③ Tương đối tốt | ④ Rất tốt |
|-----------|-----------------|-----------------|-----------|

50. Hiện tại bạn cảm thấy sức khỏe tinh thần của mình như thế nào?

|           |                 |                 |           |
|-----------|-----------------|-----------------|-----------|
| ① Rất xấu | ② Tương đối xấu | ③ Tương đối tốt | ④ Rất tốt |
|-----------|-----------------|-----------------|-----------|

51. Khi sử dụng các cơ sở y tế tại khu vực Gyeongnam, bạn cảm thấy điều gì bất tiện nhất?

(Chỉ chọn 1 đáp án)

|                                                      |                                     |                                                                     |
|------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| ① Không có bất tiện                                  | ② Thiếu đội ngũ y tế biết ngoại ngữ | ③ Thiếu thông tin về các cơ sở y tế như hiệu thuốc, bệnh viện v.v.. |
| ④ Chi phí điều trị cao                               | ⑤ Không có thời gian đi bệnh viện   | ⑥ Không có cơ quan y tế ở gần                                       |
| ⑦ Không thể tin tưởng về công nghệ y tế của Hàn Quốc | ⑧ Khác (_____)                      |                                                                     |

52. Hình thức bảo hiểm y tế của bạn là gì? Vui lòng chọn tất cả các câu tương ứng.

|                                                                                    |                                                                                |
|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| ① Bảo hiểm y tế đóng theo công ty                                                  | ② Bảo hiểm y tế đóng theo địa phương                                           |
| ③ Tham gia bảo hiểm y tế với tư cách là người phụ thuộc vào chồng/vợ hoặc gia đình | ④ Sử dụng các chương trình như dự án hỗ trợ y tế cho người lao động nước ngoài |
| ⑤ Bảo hiểm y tế cá nhân                                                            | ⑥ Không có bảo hiểm y tế                                                       |
| ⑦ Khác (_____)                                                                     |                                                                                |

## [Môi trường văn hóa và tham gia xã hội]

53. Khi bạn tham gia sinh hoạt văn hóa thì bạn thấy điểm gì bất tiện nhất? (Chỉ chọn 1 câu)

|                                                                   |                                                                   |
|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| ① Không có gì bất tiện                                            | ② Không có cơ sở nào gần nhà để có thể tham gia sinh hoạt văn hóa |
| ③ Thông tin về sinh hoạt văn hóa chỉ được cung cấp bằng tiếng Hàn | ④ Chi phí sử dụng đắt đỏ                                          |
| ⑤ Không có nội dung nào thấy quan tâm cả                          | ⑥ Giao thông đi lại bất tiện                                      |
| ⑦ Khác (_____)                                                    |                                                                   |

54. Trong số các lĩnh vực hoạt động xã hội sau đây tại Hàn Quốc, bạn đã từng tham gia vào những hoạt động nào? (Chọn tất cả những câu trả lời tương ứng)

|                                                                                                                                                                                                                                |                                                                     |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| ① Các tổ chức mang tính chính trị như các đảng chính ở Hàn Quốc                                                                                                                                                                | ② Các buổi họp liên quan đến chính quyền địa phương hoặc hành chính |
| ③ Các tổ chức liên quan đến nơi làm việc như công đoàn lao động                                                                                                                                                                | ④ Hoạt động tình nguyện                                             |
| ⑤ Hoạt động xã hội ở Hàn Quốc có liên quan đến người lao động nước ngoài, người dân di trú (bao gồm các hoạt động ở Trung tâm hỗ trợ gia đình đa văn hóa (Trung tâm gia đình) hoặc Trung tâm hỗ trợ người lao động nước ngoài) | ⑥ Hoạt động liên quan đến các vấn đề xã hội ở quê hương             |
| ⑦ Không có kinh nghiệm tham gia vào các hoạt động được nêu trên                                                                                                                                                                | ⑧ Khác (_____)                                                      |

55. Bạn muốn tham gia hoạt động cộng đồng nào nhất? (Chỉ chọn 1 câu)

|                                                                                                     |                                                                                       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| ① Bỏ phiếu bầu cử địa phương                                                                        | ② Tham gia vào các Ủy ban của cơ quan nhà nước                                        |
| ③ Tham gia các buổi họp mặt của cư dân nước ngoài(bao gồm cả gặp mặt dành cho người kết hôn di trú) | ④ Tham gia các hoạt động tình nguyện và buổi gặp mặt thân mật cùng với người Hàn Quốc |
| ⑤ Không muốn tham gia lắm                                                                           | ⑥ Khác (_____)                                                                        |

56. Lĩnh vực nào là hỗ trợ cần thiết nhất để người nước ngoài có thể ổn định và hòa nhập vào cộng đồng địa phương?

|                                                                      |                                                                  |
|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| ① Hỗ trợ giáo dục tiếng Hàn                                          | ② Hỗ trợ nhà ở                                                   |
| ③ Hỗ trợ chuyển đổi Visa                                             | ④ Hỗ trợ xin việc làm dành cho gia đình bao gồm cả người bạn đời |
| ⑤ Hỗ trợ giáo dục và chi phí học mầm non cho con em người nước ngoài | ⑥ Khác (_____)                                                   |

57. Hãy ghi lại một cách tự do nhất ý kiến của bạn nếu bạn có bất kỳ đề xuất nào về chính sách dành cho cư dân người nước ngoài tại tỉnh Gyeongnam.

(\_\_\_\_\_)

Chúng tôi sẽ tặng cho những người trả lời đầy đủ tất cả các câu hỏi trong khảo sát này phiếu quà tặng điện tử trị giá 10.000won. Xin vui lòng đánh dấu vào ô đồng ý cung cấp thông tin cá nhân (họ tên, số điện thoại) dưới đây.

Có đồng ý việc sử dụng thông tin cá nhân hay không

☐ Đồng ý

★ Vui lòng ghi chính xác họ tên ★ của người đăng kí điện thoại bạn đang sử dụng! Nếu tên đăng kí với nhà mạng không chính xác, phiếu quà tặng điện tử sẽ không gửi đi được.)

\_\_\_\_\_

★ Hãy ghi chính xác số điện thoại ★ mà bạn đang sử dụng! (Trường hợp số điện thoại và tên người đăng kí nhà mạng (người kí hợp đồng) không khớp thì phiếu quà tặng điện tử sẽ không gửi đi được, vì vậy hãy kiểm tra lại và điền thật chính xác.)

\_\_\_\_\_